TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRI TÔN
TỈNH AN GIANG

Bản án số: 42 /2019/HNGĐ- ST
Ngày: 06-9-2019
V/v tranh chấp hôn nhân và gia đình

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRI TÔN – TỈNH AN GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đào Nữ Ngọc Lan

Các Hội thẩm nhân dân: Ông: Hồ Văn Dũng

Bà: Trần Thị Ngọc Phượng

Thư ký phiên tòa: Bà Lê Kim Liệu

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tri Tôn, tỉnh An Giang tham gia phiên toà: Ông Chau Pho Ly - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 9 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tri Tôn xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 203/2019/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 6 năm 2019 về tranh chấp hôn nhân và gia đình, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 47/2019/QĐXX-ST ngày 21 tháng 8 năm 2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Huệ L, sinh năm 1987; nơi cư trú: số 722, ấp T1, xã T2, huyện T, tỉnh An Giang (có mặt).

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Văn D, sinh năm 1984; nơi cư trú: số 722, ấp T1, xã T2, huyện T, tỉnh An Giang (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Trong đơn ly hôn ngày 13-6-2019 và lời khai tại Tòa án nguyên đơn chị Nguyễn Thị Huệ L trình bày: Vào năm 2015 chị và anh Nguyễn Văn D tự nguyên đi đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn, quá trình chung sống chị và anh có với nhau 01 con chung tên Nguyễn Thị Huỳnh N, sinh ngày 04-8-2015, anh chị hạnh phúc được một thời gian, sau đó phát sinh mâu thuẫn từ năm 2014 đến nay nguyên nhân do anh D thường xuyên nhậu nhẹt, cờ bạc, không quan tâm chăm sóc vợ con, chị và anh đã ly thân từ tháng 6-2018 đến nay. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không thể tiếp tục chị yêu cầu xin ly hôn với anh Nguyễn Văn D.

Về con chung: Có 01 con chung tên Nguyễn Thị Huỳnh N, sinh ngày 04-8-2015,

hiện đang sống cùng chị. Khi ly hôn chị xin được nuôi dưỡng con chung không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Bị đơn anh Nguyễn Văn D trình bày: Anh thừa nhận tình trạng hôn nhân như Chị L trình bày, anh và chị tự nguyện đi đến hôn nhân vào năm 2015 và có đăng ký kết hôn vào năm 2016, cuộc sống vợ chồng có mâu thuẫn nhưng không lớn, hiện nay giữa anh và chị Huệ L đã ly thân từ tháng 6-2018 đến nay. Nay Chị L xin ly hôn anh không đồng ý ly hôn vì anh còn thương Chị L, anh xin được đoàn tụ.

Về con chung: Có 01 con chung tên Nguyễn Thị Huỳnh N, sinh ngày 04-8-2015, hiện đang sống cùng Chị L. Anh đồng ý giao cho Chị L tiếp tục nuôi dưỡng bé N, anh không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa:

Chị Nguyễn Thị Huệ L vẫn giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn với anh Nguyễn Văn D; về con chung xin được nuôi dưỡng con chung tên Nguyễn Thị Huỳnh N; không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung; tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Anh Nguyễn Văn D không đồng ý ly hôn, anh xin được đoàn tụ vì anh còn thường vợ; về con chung: anh đồng ý giao con chung tên Nguyễn Thị Huỳnh N cho chị Huệ L nuôi dưỡng, không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung; tài sản chung, nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật: Thẩm phán đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật về tố tụng từ khi thụ lý đến khi đưa vụ án ra xét xử theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

- Về việc chấp hành pháp luật: Nguyên đơn và bị đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật.

- Về ý kiến giải quyết vụ án: Chị L và anh D tìm hiểu nhau năm 2015, đăng ký kết hôn vào năm 2016, thời gian đầu chung sống hạnh phúc, sau đó phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân chính là do anh D thường xuyên nhậu nhẹt, cờ bạc, không quan tâm gia đình và đánh Chị L, mặc dù Chị L đã khuyên nhưng anh D không sữa đổi. Bên cạnh đó tại biên bản xác minh ngày 02-7-2019 xác định mâu thuẫn chính của Chị L và anh D là do anh D thường xuyên nhậu nhẹt, cờ bạc, không lo làm ăn. Chị L và anh D đều thống nhất ly thân từ tháng 6-2018 đến nay. Do đó nhận thấy mục đích hôn nhân giữa Chị L và anh D không đạt được, nên yêu cầu xin ly hôn của Chị L đối với anh D có cơ sở chấp nhận.

Về con chung: 01 con tên Nguyễn Thị Huỳnh N, sinh ngày 04-8-2015, hiện đang sống cùng Chị L, Chị L và anh D đều thống nhất giao Chị L nuôi dưỡng anh D không cấp dưỡng nuôi con chung.

Tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Chị L phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm 300.000 đồng.

Từ những phân tích trên, đề nghị Tòa án xem xét quyết định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử phân tích, đánh giá về vụ án như sau:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Anh Nguyễn Văn D cư trú tại ấp An Thạnh xã Tà Đảnh, huyện Tri Tôn, tỉnh An Giang, quan hệ tranh chấp là quan hệ hôn nhân và gia đình là loại tranh chấp được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự và theo quy định khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án trên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tri Tôn.

[2] Về nội dung tranh chấp: Quan hệ hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị Huệ L và anh Nguyễn Văn D được xác lập trên cơ sở tự nguyện sống chung với nhau vào năm 2015, có tổ chức lễ cưới có đăng ký kết hôn theo quy định Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình.

Quá trình chung sống vợ chồng, chị Nguyễn Thị Huệ L và anh Nguyễn Văn D có với nhau 01 con chung tên Nguyễn Thị Huỳnh N, sinh ngày 04-8-2015, hiện đang sống cùng anh chị, tuy nhiên Chị L cho rằng do anh D thường xuyên nhậu nhẹt, cờ bạc, không quan tâm chăm sóc gia đình, nay chị không thể tiếp tục cuộc sống vợ chồng, chị xin ly hôn với anh D. Anh D không đồng ý ly hôn với Chị L, anh cho rằng mâu thuẫn xảy ra giữa anh và chị không lớn.

Theo biên bản xác minh ngày 02-7-2019 tại ban ấp Tân Thạnh, xã Tà Đảnh cho biết cuộc sống hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị Huệ L và anh Nguyễn Văn D có xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân chính là do anh D thường xuyên nhậu nhẹt, cờ bạc, đá gà, không lo làm ăn mặc dù Chị L có nhiều lần khuyên nhưng anh D không sửa đổi. Tại phiên tòa Chị L cho rằng anh D thường xuyên cờ bạc, nhậu nhẹt, không quan tâm chăm sóc gia đình, mặc dù chị đã nhiều lần khuyên và anh D cũng thừa nhận trước đây có cờ bạc như trình bày của Chị L.

Hội đồng xét xử nhận thấy qua biên bản xác minh tại địa phương và lời khai tại phiên tòa thì mâu thuẫn xảy ra giữa chị Nguyễn Thị Huệ L và anh Nguyễn Văn D đã xảy ra được một thời gian, nguyên nhân chính do anh D thường xuyên nhậu nhẹt, cờ bạc, không quan tâm chăm sóc gia đình, anh và chị cũng đã ly thân được một thời gian từ tháng 6-2018 đến nay. Hôn nhân là nhằm giúp vợ chồng xây dựng gia đình no ấm, hạnh phúc, tuy nhiên trong cuộc sống hôn nhân vợ chồng không có tiếng nói chung, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cải vả,

bên cạnh đó thời gian ly thân của anh chị đã hơn 1 năm nhưng giữa Chị L và anh D không thể hàn gắn. Từ đó Hội đồng xét xử nhận thấy tình trạng hôn nhân giữa Chị L và anh D rơi vào tình trạng trầm trọng, tình cảm vợ chồng ngày càng rạn nứt, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử quyết định chấp nhận yêu cầu của chị Nguyễn Thị Huệ L về việc yêu cầu ly hôn với anh Nguyễn Văn D là phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: 01 con chung tên Nguyễn Thị Huỳnh N, sinh ngày 04-8-2015, hiện đang sống chung cùng chị Nguyễn Thị Huệ L, Chị L xin được nuôi dưỡng con chung, anh D cũng đồng ý. Xét thấy từ khi Chị L và anh D ly thân đến nay cháu Như vẫn sống cùng Chị L, Chị L nuôi dạy, chăm sóc cháu rất tốt, do vậy để ổn định tâm lý của cháu, tạo điều kiện phát triển toàn diện cho cháu Hội đồng xét xử quyết định giao cháu Nguyễn Thị Huỳnh N cho chị Nguyễn Thị Huệ L tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Do chị Nguyễn Thị Huệ L không yêu cầu anh Nguyễn Văn D cấp dưỡng nuôi con chung, do vậy Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Chị L và anh D không yêu cầu, không xem xét giải quyết.

[5] Về án phí: Chị Nguyễn Thị Huệ L là nguyên đơn trong vụ án hôn nhân và gia đình, Chị L phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 9, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 của Luật hôn nhân gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39,khoản 4 Điều 147, Điều 266, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu của chị Nguyễn Thị Huệ L.

Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Huệ L được ly hôn với anh Nguyễn Văn D.

Giấy chứng nhận kết hôn số 02, ngày 15 tháng 1 năm 2016 của Ủy ban nhân dân xã Tà Đảnh, huyện Tri Tôn, tỉnh An Giang không còn giá trị pháp lý.

Về con chung:

Giao cháu Nguyễn Thị Huỳnh N, sinh ngày 04-8-2015 cho chị Nguyễn Thị Huệ L được tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh Nguyễn Văn D không cấp dưỡng nuôi con chung.

Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục con.

Trên cơ sở lợi ích của con, theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, cơ quan, tổ chức quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Toà án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không xem xét giải quyết.

Về án phí: Chị Nguyễn Thị Huệ L phải nộp 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí mà Chị L đã nộp theo biên lai thu số 0011977 ngày 13 tháng 6 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tri Tôn

Các đương sự có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND huyện Tri Tôn;
- THADS huyện Tri Tôn;
- Các đương sự;
- Lưu hs, vp.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Đào Nữ Ngọc Lan